

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: tại Giấy triệu tập số 1156/2019/GTT-TA ngày 10/6/2019, Tòa án triệu tập đồng nguyên đơn là anh Đoàn Văn L và chị Trần Thị Q làm việc vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20/6/2019 và đã tổng đạt hợp lệ cho anh L, chị Q. Tuy nhiên, anh L, chị Q không có mặt tại Tòa án theo thời gian đã ấn định, Tòa án lập biên bản đồng nguyên đơn vắng mặt lần thứ nhất. Tại Giấy triệu tập số 1206/2019/GTT-TA ngày 21/6/2019, Tòa án triệu tập anh L, chị Q làm việc vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 28/6/2019 và đã tổng đạt hợp lệ cho anh L, chị Q. Đến ngày 28/6/2019, anh L, chị Q không có mặt tại Tòa án được xem là trường hợp đồng nguyên đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì được xem là vắng mặt lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn vắng mặt thì bị coi là từ bỏ việc khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ngày 29/3/2019, Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Đoàn Văn T. Ngày 27/5/2019, Tòa án ra Thông báo số 101/TB-TA về việc yêu cầu ông T nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng và đã tổng đạt hợp lệ cho ông T. Hết thời hạn được Thông báo, ông T không đến Tòa án dự nộp chi phí tố tụng; Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu phản tố của ông T theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 162/2016/TLST-DS ngày 12/12/2016 về việc "tranh chấp thừa kế tài sản", giữa:

1. **Đồng nguyên đơn:** Anh **Đoàn Văn L** – sinh năm 1970

Chị **Trần Thị Q** – sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp Ph xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. **Đồng bị đơn:** Anh **Đoàn Văn P** – sinh năm 1970

Ông **Đoàn Văn T** – sinh năm 1959

Anh **Trần Văn H** – sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp Ph xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ủy ban nhân dân huyện X

Địa chỉ: ấp H, thị trấn L, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Thanh H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X

3.2 Ông **Lê Văn D** - sinh năm 1957

3.3 Bà **Nguyễn Thị O** – sinh năm 1960

3.4 Chị **Hà Thị S**- sinh năm 1970

3.5 Anh **Đoàn Triệu P**

3.6 Bà **Huỳnh Thị N** – sinh năm 1959

3.7 Anh **Đoàn Văn H**

3.8 Chị **Đoàn Thị A** – sinh năm 1984

3.9 Anh **Nguyễn Văn N** – sinh năm 1980

3.10 Chị **Huỳnh Thị C** – sinh năm 1966

3.11 Anh **Trần Văn M** – sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp Ph xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.12 Bà **Đoàn Thị X** – sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

3.13 Ông **Đoàn Minh Đ** – sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3.14 Bà **Đoàn Thị L1** – sinh năm 1950

Địa chỉ: khu phố x, phường y, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đoàn Văn H– sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp Ph xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Tạm trú: tổ A, khu phố T, phường X, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

3.15 Ông **Đoàn Văn H** – sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp Ph xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Tạm trú: tổ A, khu phố T, phường X, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

3.16 Anh **Nguyễn Minh Q** – sinh năm 1964

3.17 Chị **Huỳnh Thị Ng**

3.18 Bà **Nguyễn Thị T1**

Cùng địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

II. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

1. Về quyền khởi kiện:

Anh Đoàn Văn L và chị Trần Thị Q có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đoàn Văn T không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp theo quy định tại khoản 1, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, chi phí giám định:

Về án phí: anh L, chị Q được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, do đó, anh L, chị Q không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho ông Đoàn Văn T số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013980 ngày 29/3/2019.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tổng cộng 900.000đ, anh L, chị Q chịu. Anh L, chị Q đã dự nộp 2.500.000đ được chuyển thu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp 900.000đ, anh L, chị Q đã được nhận lại 1.600.000đ. Các đương sự không phải nộp thêm.

- Chi phí giám định: ông Đoàn Văn T đã dự nộp chi phí giám định 3.000.000đ; anh Trần Văn H đã dự nộp chi phí giám định 5.000.000đ. Do ông T và anh H có đơn xin rút yêu cầu giám định, Tòa án đã hoàn trả đủ chi phí giám định cho ông T và ông H tại phiếu chi ngày 04/01/2018.

Các đương sự khác không phải chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, chi phí giám định.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lư Trường Lâm